

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Số: 67/2018/HSST
Ngày 19/11/2018**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M – TỈNH HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Trọng;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiếu và ông Phan Xuân Hùng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh - Cán bộ Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà: Ông Bùi Kim Trung -
Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện M.

Ngày 19/11/2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện M mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 60/2018/HSST ngày 26/10/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2018/HSST - QĐ ngày 05/11/2018 đối với bị cáo:

Hoàng Văn C, sinh năm 1985; tại huyện V, tỉnh Hưng Yên; Giới tính: Nam;

Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không;

Con ông Hoàng Văn Ch, sinh năm 1961 và bà Đỗ Thị N, sinh năm 1963;

Có vợ là Trần Thị U G (Đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2009;

Tiền án: Ngày 27/5/2016, Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh S xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy;

Tiền sự: Không;

Tạm giam từ ngày 08/8/2018; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên; Có mặt.

Bị hại:

1. Chị Vũ Thị D, sinh năm 1989; Trú tại: Khu tập thể Doanh trại quân đội, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội;

2. Chị Lương Thị T, sinh năm 1986; Trú tại: Bản M, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái; Điều vắng mặt;

3. Anh Đặng Văn H, sinh năm 1985 và chị Lê Thị T, sinh năm 1988; Điều trú tại: Thôn Y, xã G, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Văn Ch, sinh năm 1961; Trú tại: Thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Văn C là người nghiện ma túy và đã có tiền án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, không có nghề nghiệp. Để có tiền tiêu xài và sử dụng ma túy C đã nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 09 giờ ngày 24/7/2018, C một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exiter, sơn màu đen, biển số đăng ký 89K1 109.89, mang theo 01 cuộn băng dính màu đen; 01 miếng nhựa màu đen có các chân bám chân không; 02 chiếc cà lê và 01 chiếc mỏ lết từ nhà đi xem có gia đình nào sở hữu để trộm cắp tài sản. Khi C đi đến khu nhà trọ của ông Nguyễn Khắc T ở thôn N, xã N, huyện M, tỉnh Hưng Yên thì phát hiện cổng khu trọ không khóa nên C dừng xe lại, dựng ngoài cổng rồi đi bộ vào bên trong sân khu trọ. C quan sát xung quanh không thấy ai, đồng thời C phát hiện phòng trọ số 04 do chị Vũ Thị D thuê trọ, cửa chính khóa bên trong còn cửa sổ đang mở. C tiến lại gần cửa sổ quan sát thấy chị D đang nằm ngủ trên chiếc giường được kê sát tường phía trong cùng của phòng trọ, tại vị trí cuối chân giường có để 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu oppo A39, vỏ màu hồng có cắm dây sạc; cạnh cửa sổ gần vị trí C đứng có kê một chiếc bàn để nấu ăn, trên mặt bàn có để 01 chiếc điện thoại Iphone 4, bị vỡ màn hình. Thấy vậy, C ra vị trí để xe mô tô, mở cốp xe lấy cuộn băng dính và miếng nhựa màu đen có các chân bám chân không sau đó quay lại dùng băng dính quấn chặt miếng nhựa nói trên vào đầu thanh gỗ dùng để phơi quần áo có sẵn trong sân khu trọ. Sau khi quấn xong, C cầm thanh gỗ tiến lại gần cửa sổ phòng của chị D, luồn đầu thanh gỗ có gắn miếng nhựa qua khe song cửa sổ đến vị trí chiếc điện thoại oppo, sau đó hạ đầu thanh gỗ xuống để các chân hút của miếng nhựa bám vào chiếc điện thoại để lấy chiếc điện thoại ra khỏi phòng nhưng không được nên C quay ra sân khu trọ bẻ một đoạn cành cây có hình móc câu có sẵn ở đó, dùng băng dính quấn chặt vào đầu thanh gỗ sau đó quay lại cửa sổ phòng chị D, tiếp tục luồn thanh gỗ qua khe song cửa sổ, móc vào dây sạc, nhấc chiếc điện thoại ra gần vị trí C đứng rồi luồn tay qua song cửa lấy chiếc điện thoại oppo, đồng thời lấy luôn chiếc điện thoại Iphone 4 trên mặt bàn nấu ăn. Đúng lúc này chị D tỉnh giấc nhìn thấy C và hô “ trộm, trộm...”. C cất 02 chiếc điện thoại nói trên vào túi quần bên trái, phía trước rồi chạy ra vị trí để xe, nổ máy bỏ chạy. C khai đã bán 02 chiếc điện thoại nói trên cho

anh Đặng Xuân B, sinh năm 1990 ở thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên được 1.000.000đồng. Toàn bộ số tiền trên C đã tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 07 giờ ngày 06/8/2018, C một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exiter, sơn màu trắng đen, biển số đăng ký 89E1-137.25 mang theo 01 chiếc cặp màu đen bên trong có đựng 01 kim cộng lực sơn màu xanh, chuỗi bằng nhựa màu đen; 01 chiếc kéo bằng kim loại, chuỗi bằng nhựa màu xanh; 01 cuộn băng dính màu đen; 01 miếng nhựa màu đen có các chân bám chân không đến khu nhà trọ số nhà 283 QL5A, Phố Nối, thị trấn B, huyện M, tỉnh Hưng Yên do chị Nguyễn Thị Hải H, sinh năm 1987, trú tại: Thôn V, thị trấn B, huyện M, tỉnh Hưng Yên quản lý. Sau khi quan sát thấy khu nhà trọ không có ai, C dùng kim cộng lực cắt móc khóa cửa phòng số 02 do chị Lương Thị T thuê trọ. Sau đó vào trong phòng lấy trộm của chị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel, vỏ màu trắng phía sau ốp điện thoại có kẹp một chiếc thẻ ATM mang tên Lương Thị Thiên; 01 điện thoại samsung (vỡ màn hình, không có pin); 01 gậy chụp hình và 200.000đồng trong con lợn nhựa màu đỏ. Sau đó C điều khiển chiếc xe mô tô nói trên xuống thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương, dùng số tiền 200.000đồng lấy trộm được của chị T mua của một người thanh niên không biết tên, tuổi, địa chỉ 02 gói ma túy (heroin) một mình sử dụng hết. Khi C đang trên đường về nhà, thấy có biểu hiện nghi vấn nên Công an huyện B đã tiến hành kiểm tra, lập biên bản và đưa về trụ sở làm việc. Đồng thời quản lý của C: 01 cặp màu đen bên trong có 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung bị hỏng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel; 01 kim cộng lực sơn màu xanh, chuỗi bằng nhựa màu đen; 01 chiếc kéo bằng kim loại, chuỗi bằng nhựa màu xanh; 01 cuộn băng dính màu đen; 01 miếng nhựa màu đen có các đầu bám chân không; 02 đăng ký xe mô tô; 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Hoàng Văn C, 01 thẻ ATM mang tên Lương Thị T và 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exiter, sơn màu trắng đen, biển số đăng ký 89E1- 137.25. Tại Công an huyện B, tỉnh Hải Dương C đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của chị T như đã nêu trên. Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã có Công văn trao đổi và bàn giao toàn bộ những vật chứng nêu trên cho Cơ quan CSĐT Công an huyện M để giải quyết theo thẩm quyền, cùng với 01 mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exiter, sơn màu đen, biển số đăng ký 89K1 109.89; 02 cờ lê và 01 mỏ lết mà Công an huyện B trong quá trình đi tuần tra trước đó đã quản lý của C khi C đi xuống xã T huyện B, tỉnh Hải Dương để ở rìa đường và đi bộ vào khu vực bờ sông mua ma túy sử dụng. Do C là đối tượng nghiện ma túy và mới thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên C không đến Cơ quan công an trình báo.

Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện M, C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình ngày 24 tháng 7 và ngày 06 tháng 8 năm 2018 như đã nêu trên.

Ngày 06/8/2018, chị T có đơn trình báo đến Cơ quan Công an huyện M về việc: Sáng ngày 06 tháng 8 năm 2018, tại khu nhà trọ số 283 QL5A, Phố Nối, thị trấn B, huyện M chị bị kẻ gian cắt móc khóa cửa vào phòng lấy trộm của chị 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel, vỏ màu trắng phía sau ốp điện thoại có kẹp 01 thẻ ATM mang tên Lương Thị T; 01 điện thoại samsung (vỡ màn hình, không có pin); 01 gậy chụp hình và 200.000đồng trong con lợn nhựa màu đỏ. Cùng ngày chị D cũng có đơn trình báo đến cơ quan Công an huyện M về việc: Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại phòng trọ số 04 trong khu nhà trọ của ông Nguyễn Khắc T sinh năm 1962 ở thôn N, xã N, huyện M, chị D bị kẻ gian lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu oppo A39, vỏ màu hồng và 01 điện thoại Iphone 4 đã cũ. Đồng thời chị D giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện M 01 thanh gỗ mỏng dài 2,24 mét; 01 miếng nhựa màu đen có các chân bám chân không.

Tiến hành cho C chỉ dẫn đến nơi C thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 24/7/2018 và ngày 06/8/2018. C đã chỉ dẫn được đến phòng trọ số 04 trong khu nhà trọ của ông Nguyễn Khắc T, sinh năm 1962 ở thôn N, xã N, huyện M và phòng trọ số 02 trong khu nhà trọ số 283 QL 5A, Phố Nối, thị trấn B, huyện M. Cơ quan CSĐT Công an huyện M cho C thực nghiệm điều tra. C đã thực hiện được toàn bộ quá trình trộm cắp tài sản của chị D ngày 24/7/2018 và của chị T ngày 06/8/2018 như C đã khai nhận.

Tiến hành cho chị D nhận dạng C, chị D nhận ra C và khẳng định C chính là người sáng ngày 24/7/2018 đã lấy trộm chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu oppo A39, vỏ màu hồng và 01 điện thoại Iphone 4 của chị.

Kết luận định giá tài sản số 36 ngày 07/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện M xác định: Giá trị còn lại của chiếc điện thoại nhãn hiệu oppo A39 là 2.500.000đồng; Giá trị còn lại của chiếc điện thoại Iphone 4 là 400.000đồng; Giá trị còn lại của chiếc điện thoại nhãn hiệu Masstel, loại Juno –Q5 là 500.000đồng; Giá trị còn lại của chiếc gậy chụp ảnh là 50.000đồng. Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung bị hỏng, Hội đồng định giá không định giá. Đối với chiếc móc khóa cửa phòng của chị T, do giá trị không lớn, chị T không yêu C phải bồi thường nên Cơ quan CSĐT không trưng cầu định giá.

Ngoài thực hiện 02 hành vi Trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện M nói trên, quá trình điều tra C khai nhận còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại thôn Y, xã G, huyện Y. Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã có Công văn thông báo cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Y để giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan CSĐT Công an huyện Y tiến hành điều tra xác định: Sáng ngày 15/7/2018, C mang theo 01 kìm cộng lực đi bộ vào thôn Y, xã G, huyện Y xem có gia đình nhà ai sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi C đi đến gia đình nhà anh Đặng Văn H, sinh năm 1985 có vợ là chị Lê Thị T, sinh năm 1988, thấy cổng nhà anh H không khóa. Sau khi quan sát xung quanh không có ai, C đã mở cổng đi vào bên trong hiên nhà, dùng chiếc kìm cộng lực C mang theo cắt móc khóa cửa sau đó C đi vào phòng ngủ của gia đình anh H. Tại đây C đã mở ngăn kéo trên cùng chiếc tủ nhựa đựng quần áo lấy trộm trong chiếc ví giả da của anh H 8.000.000đồng, 01 nhẫn vàng tây 01 chỉ có đính đá mặt ngoài, 01 mặt dây chuyền vàng tây 0,5 chỉ có đính đá, 01 dây chuyền bạc 1,5 chỉ; 01 chiếc phong bì bên trong có 6.000.000đồng và 01 máy tính Laptop nhãn hiệu HP 4330 dưới nền nhà. Sau khi trộm cắp được những tài sản nói trên, C đi bộ ra QL5A bắt xe ô tô khách đi xuống Hải Dương bán máy tính laptop, nhẫn vàng tây, mặt dây chuyền và chiếc dây chuyền bạc được 2.000.000đồng. Toàn bộ số tiền bán tài sản và số tiền trộm cắp được của anh H một mình C tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Y xác định: Giá trị còn lại của 01 máy tính Laptop nhãn hiệu HP 4330 đã qua sử dụng là 2.500.000đồng; Giá trị còn lại của 01 nhẫn vàng tây 01 chỉ 1.750.000đồng; Giá trị còn lại của 01 mặt dây chuyền bằng vàng tây có đính đá 0,5 chỉ là 875.000đồng; Giá trị còn lại của 01 dây chuyền bạc 1,5 chỉ là 75.000đồng. Đối chiếc móc khóa cửa nhà của anh H do giá trị không lớn, anh H không yêu cầu C phải bồi thường nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Y không trưng cầu định giá.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Y đã khởi tố vụ án hình sự và ra Quyết định khởi tố bị can đối với C về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự đồng thời chuyển vụ án nói trên cho Cơ quan CSĐT Công an huyện M để nhập với vụ án Trộm cắp tài sản trong đó C là bị can mà Cơ quan CSĐT Công an huyện M đang điều tra giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho bị can C theo quy định của pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exiter, sơn màu trắng đen, biển số đăng ký 89E1- 137.25; 02 cà lê; 01 mỏ lết (cùng với đăng ký của chiếc xe mô tô). Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô nói trên không là vật chứng trong vụ án nào và là tài sản hợp pháp của ông Hoàng Văn Ch (là bố đẻ của C). Khi C mượn chiếc xe mô tô cùng 02 cà lê và 01 mỏ lết nói trên ông C không biết C sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã trả lại cho ông C những tài sản nói trên, ông C nhận lại tài sản của mình và không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exiter, sơn màu đen, biển số đăng ký 89K1-109.89, quá trình điều tra xác định không là vật chứng trong vụ án nào và là tài sản hợp pháp của C. C đã sử dụng chiếc xe mô tô nói trên cùng với 01 chiếc cặp màu đen; 01 kim cộng lực sơn màu xanh, chuôi bằng nhựa màu đen; 01 chiếc kéo bằng kim loại, chuôi bằng nhựa màu xanh; 01 cuộn băng dính màu đen; 02 miếng nhựa màu đen có các chân bám chân không làm phương tiện, công cụ đi trộm cắp tài sản.

Đối với thanh gỗ mỏng, dài 2,24 mét chị D giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện M, quá trình điều tra xác định C lấy ở sân khu trọ nhà ông Thử sử dụng làm công cụ trộm cắp điện thoại của chị D. Chị D không yêu cầu được nhận lại.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel, vỏ màu trắng; 01 điện thoại samsung (vỡ màn hình, không có pin); 01 máy chụp hình, 01 thẻ ATM mang tên Lương Thị Thiên, quản lý của C. Quá trình điều tra xác định là những tài sản C trộm cắp của chị Lương Thị T. Chị T có đơn xin được nhận lại nên ngày 26/9/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã trả lại cho chị T. Chị T đã nhận lại tài sản của mình và yêu cầu C phải bồi thường cho chị 200.000đồng. Ông Hoàng Văn Ch đã thay C bồi thường cho chị T số tiền nói trên, chị T đã nhận đủ 200.000đồng và không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu oppo A39, vỏ màu hồng và 01 điện thoại Iphone 4. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị D. C khai sau khi trộm cắp được 02 chiếc điện thoại nói trên, C mang bán cho anh Đặng Xuân B, sinh năm 1990 ở thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên được 1.000.000đồng, C đã tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng hết. Anh B không thừa nhận đã mua 02 chiếc điện thoại nói trên của C nên không thu hồi được. Chị D yêu cầu C phải bồi thường cho chị giá trị còn lại của 02 chiếc điện thoại là 2.900.000đồng. Ông Hoàng Văn Ch đã thay C bồi thường cho chị D số tiền nói trên, chị D đã nhận đủ 2.900.000đồng và không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với số tiền 14.000.000đồng C trộm cắp của anh H, C đã tiêu xài cá nhân hết. Còn 01 máy tính Laptop nhãn hiệu HP 4330; 01 nhẫn vàng tây 01 chỉ có đính đá ở mặt ngoài; 01 mặt dây chuyền vàng tây 0,5 chỉ có đính đá; 01 dây chuyền bạc 1,5 chỉ C bán ở Hải Dương nhưng không nhớ được địa chỉ cụ thể nên không thu hồi được. Anh H, chị T yêu cầu C phải bồi thường cho anh toàn bộ giá trị số tài sản nói trên.

Đối với Đặng Xuân B là người C khai đã mua 02 chiếc điện thoại C trộm cắp của chị D. Quá trình làm việc với Cơ quan CSĐT Công an huyện M anh B không

thừa nhận, Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã cho C đối chất với anh B nhưng anh B vẫn không thừa nhận nên không có căn cứ để xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 61/CT - VKSMH ngày 25/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố bị cáo Hoàng Văn C về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên toà:

+ Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đồng thời bị cáo nhất trí bồi thường cho vợ chồng anh H số tiền 19.200.000 đồng.

+ Bị hại là vợ chồng anh Đặng Văn H và chị Lê Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị các tài sản bị cáo chiếm đoạt là 19.200.000 đồng.

+ Bà Đỗ Thị N là mẹ của bị cáo trình bày vợ chồng bà bồi thường thiệt hại cho bị hại là chị Duyên và chị T là có sự tác động của bị cáo C.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38; điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 BLHS; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; các Điều 584, 585, 586, 589, Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn C 01 năm 09 tháng tù - 02 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 08/8/2018;

Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Văn C có trách nhiệm bồi thường cho vợ chồng anh Đặng Văn H, sinh năm 1985 và chị Lê Thị T, sinh năm 1988; đều trú tại thôn Y, xã G, huyện Y, tỉnh Hưng Yên số tiền 19.200.000 đồng;

Vật chứng: Tịch thu, cho tiêu huỷ 01 chiếc cặp màu đen; 01 chiếc kìm công lực sơn màu xanh, chuôi bọc nhựa màu đen; 01 chiếc kéo bằng kim loại, chuôi bọc nhựa màu xanh; 01 cuộn băng dính màu đen; 02 miếng nhựa màu đen có các đầu hít bám chân không và 01 thanh gỗ dài 2,24m;

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu đen, biển số đăng ký 89K1 - 109.89 cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 009569 mang tên Nguyễn Thị Hằng;

Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn C 01 Giấy Chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Văn C;

Bị cáo Hoàng Văn C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp khách quan với lời khai của các bị hại là chị Vũ Thị D, chị Lương Thị T và vợ chồng anh Đặng Văn H, các biên bản kiểm tra của Công an huyện B lập ngày 01/8/2018 và ngày 06/8/2018, các biên bản và bản ảnh chỉ dẫn, biên bản và bản ảnh nhận dạng, biên bản và bản ảnh thực nghiệm điều tra, vật chứng là hai chiếc điện thoại, máy chụp hình và chiếc thẻ ATM đều thuộc sở hữu của chị Lương Thị T bị C chiếm đoạt vào ngày 06/8/2018, các kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 15 tháng 7 đến ngày 06 tháng 8 năm 2018, Hoàng Văn C đã có 03 lần lấy trộm tài sản của người khác, đó là: Ngày 15/7/2018, tại nhà ở của vợ chồng anh Đặng Văn H thuộc thôn Y, xã G, huyện Y, tỉnh Hưng Yên, Hoàng Văn C lấy trộm của vợ chồng anh H 14.000.000 đồng cùng 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu HP 4330, 01 chiếc nhẫn bằng vàng tây 01 chỉ có đính mặt đá, 01 mặt dây chuyền bằng vàng tây 0,5 chỉ có đính đá, 01 sợi dây chuyền bằng bạc 1,5 chỉ, có giá trị theo xác định của Hội đồng định giá là 5.200.000 đồng; Ngày 24/7/2018, tại phòng trọ của chị Vũ Thị D thuê của ông Nguyễn Khắc T thuộc thôn N xã N, huyện M, tỉnh Hưng Yên, Hoàng Văn C lấy trộm của chị D 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A39 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone4, có giá trị theo xác định của Hội đồng định giá là 2.900.000 đồng; Ngày 06/8/2018, tại phòng trọ của chị Lương Thị T thuê của chị Nguyễn Thị Hải H thuộc Quốc lộ 5A, phố Nội, thị trấn B, huyện M, tỉnh Hưng Yên, Hoàng Văn C lấy trộm của chị Lương Thị T 200.000 đồng cùng 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, 01 chiếc máy chụp hình, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung bị vỡ màn hình, không có pin và 01 chiếc thẻ ATM, có giá trị theo xác định của Hội đồng định giá là 550.000 đồng.

[3] Hành vi của Hoàng Văn C lợi dụng chủ sở hữu không có mặt ở nhà hoặc đang ngủ để lén lút chiếm đoạt tài sản đã thỏa mãn đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm trong ba lần là 22.850.000 đồng, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Hoàng Văn C về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, không chỉ gây

tâm lý lo lắng cho các bị hại, mà còn gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Trong thời gian ngắn, bị cáo đã có ba lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại tại các địa bàn khác nhau thuộc hai huyện M và Yên Mỹ, trong đó có hai lần giá trị tài sản chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo là người có nhân thân xấu, có thời gian dài sử dụng chất ma túy cũng như đã bị kết án về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, nhưng không lấy đó làm bài học để rèn luyện, sửa chữa lỗi lầm, phấn đấu trở thành người lao động có ích cho gia đình và xã hội; trong thời gian chưa được xoá án tích, lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS, thể hiện ý thức chống đối, coi thường pháp luật. Cho nên, cần áp dụng hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo và tiếp tục cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét trong quá trình làm việc với Công an huyện B, tỉnh Hải Dương, bị cáo đã tự khai ra các hành vi chiếm đoạt tài sản thực hiện tại huyện M, đồng thời trong quá trình khai báo tại Cơ quan điều tra huyện M, bị cáo cũng khai ra hành vi chiếm đoạt tài sản thực hiện tại huyện Y, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tự thú quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các hành vi phạm tội; tại phiên toà cũng như trong giai đoạn điều tra, bị cáo khai báo thành khẩn, có thái độ ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội; bố của bị cáo là ông Hoàng Văn Ch được bị cáo tác động đã bồi thường thay cho bị cáo giá trị các tài sản chiếm đoạt của chị D và chị T, nên bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Người bị hại là vợ chồng anh Đặng Văn H yêu cầu bị cáo bồi thường các tài sản bị chiếm đoạt bao gồm số tiền 14.000.000 đồng cùng giá trị máy tính xách tay và đồ trang sức theo kết luận của Hội đồng định giá là 5.200.000 đồng, tổng cộng là 19.200.000 đồng, là có căn cứ; tại phiên toà, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền này, được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Vật chứng: Chiếc cặp, kìm cộng lực, kéo sắt, cuộn băng dính, miếng nhựa có các chân bám chân không và thanh gỗ là các phương tiện được bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng, nên tịch thu cho tiêu hủy.

Chiếc xe mô tô BKS 89K1 - 109.89 cùng đăng ký xe là phương tiện được bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Văn C không liên quan tới hành vi phạm tội, nên trả lại cho bị cáo.

[8] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn C phạm tội Trộm cắp tài sản;
2. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38; điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 BLHS; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; các Điều 584, 585, 586, 589, Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
3. Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn C 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 08/8/2018;
4. Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Văn C có trách nhiệm bồi thường cho vợ chồng anh Đặng Văn H, sinh năm 1985 và chị Lê Thị T, sinh năm 1988; đều trú tại thôn Y, xã G, huyện Y, tỉnh Hưng Yên số tiền 19.200.000 đồng (Mười chín triệu hai trăm nghìn đồng);

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án;

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

5. Vật chứng:

+ Tịch thu, cho tiêu huỷ 01 chiếc cặp màu đen; 01 chiếc kim cộng lực sơn màu xanh, chuỗi bọc nhựa màu đen; 01 chiếc kéo bằng kim loại, chuỗi bọc nhựa màu xanh; 01 cuộn băng dính màu đen; 02 miếng nhựa màu đen có các đầu hít bám chân không và 01 thanh gỗ dài 2,24m;

+ Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu đen, biển số đăng ký 89K1 - 109.89 cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 009569 mang tên Nguyễn Thị H;

+ Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn C 01 Giấy Chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Văn C;

(Tình trạng vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số 51/QĐ - VKSMH ngày 25/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/10/2018 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M với Chi cục Thi hành án dân sự huyện M);

6. Án phí: Bị cáo Hoàng Văn C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 960.000 đồng (Chín trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

7. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, đã báo cho bị cáo và bị hại có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện M;
- THA hình sự huyện M;
- THA dân sự huyện M;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu VP; HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Tuấn Trọng